

Sau khi đã công bố công khai các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy định này, Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phối hợp với Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể cấp xã cùng đại diện khối, thôn trực tiếp tuyên truyền, vận động người bị thu hồi đất chấp hành việc kiểm kê để lấy số liệu lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Quá trình thực hiện tuyên truyền, vận động người bị thu hồi đất chấp hành các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất phải được lập Biên bản có chữ ký xác nhận của người bị thu hồi đất. Trường hợp người bị thu hồi đất không ký xác nhận khi tiếp xúc hoặc cố tình vắng mặt không tiếp xúc thì phải lập Biên bản ghi nhận về việc người bị thu hồi đất không ký xác nhận khi tiếp xúc hoặc cố tình vắng mặt, có xác nhận của đại diện khối, thôn để làm cơ sở thực hiện các công việc tiếp theo.

Điều 6. Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện kiểm kê bắt buộc.

1. Trước khi kiểm kê bắt buộc phải niêm yết công khai Biên bản xác nhận (về việc thực hiện tuyên truyền, vận động) hoặc Biên bản ghi nhận (về việc người bị thu hồi đất không ký xác nhận khi tiếp xúc hoặc cố tình vắng mặt) nêu tại Điều 5, Quy định này tại trụ sở khối, thôn, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi có đất bị thu hồi.

2. Trường hợp người bị thu hồi đất không hợp tác với Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nêu tại khoản 3, Điều 3, Quy định này thì Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lập Biên bản về việc người bị thu hồi đất không hợp tác, có xác nhận của đại diện khối, thôn, đồng thời ban hành Thông báo kiểm kê bắt buộc gửi cho người bị thu hồi đất và thực hiện niêm yết công khai theo quy định tại khoản 1, Điều này. Thông báo kiểm kê bắt buộc phải nêu rõ thời gian 07 (bảy) để người bị thu hồi đất có ý kiến phản hồi.

Đối với trường hợp cố tình vắng mặt khi kiểm kê hoặc trường hợp cố tình không nhận thông báo về thời gian, địa điểm kiểm kê thì các văn bản thông báo của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có liên quan phải được niêm yết công khai tại trụ sở khối, thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi.

3. Sau thời hạn 07 (bảy) ngày nêu tại Thông báo kiểm kê bắt buộc, Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lập danh sách những người bị thu hồi đất không hợp tác, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) để thành lập Tổ kiểm kê bắt buộc và ban hành quyết định kiểm kê bắt buộc đối với các trường hợp phải kiểm kê bắt buộc.

4. Thành lập Tổ kiểm kê bắt buộc:

a) Tổ kiểm kê bắt buộc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập gồm các thành phần chính sau:

- Người đứng đầu hoặc cấp phó của Người đứng đầu Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư làm Tổ trưởng; Chủ tịch hoặc phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm Tổ phó.

- Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện, cấp xã; đại diện các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng (Quản lý đô thị); đại diện Công an cấp huyện và cấp xã; đại diện khối, thôn và chủ đầu tư dự án tham gia.

- Ngoài thành phần chủ yếu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào tình hình thực tế của từng dự án, đối tượng kiểm kê bắt buộc để quyết định các thành phần khác cho phù hợp.

b) Nhiệm vụ của Tổ kiểm kê bắt buộc:

- Xây dựng kế hoạch, số liệu, tài liệu liên quan đến đối tượng kiểm kê bắt buộc; chuẩn bị các biểu mẫu, biên bản.

- Tiến hành đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất bị thu hồi của người bị kiểm kê bắt buộc.

- Bàn giao Biên bản kiểm đếm bắt buộc cho Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và quản lý tài liệu, lưu hồ sơ.

Điều 7. Ban hành quyết định kiểm kê bắt buộc.

1. Quyết định kiểm kê bắt buộc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký ban hành.

2. Nội dung Quyết định kiểm kê bắt buộc phải ghi rõ họ tên, nơi cư trú hoặc địa chỉ trụ sở làm việc, cơ quan của người bị thu hồi đất phải kiểm kê bắt buộc; địa điểm kiểm kê bắt buộc và thời gian (ngày, giờ) thực hiện việc kiểm kê bắt buộc.

Điều 8. Trình tự, thủ tục kiểm kê bắt buộc.

1. Công tác chuẩn bị:

a) Quyết định kiểm kê bắt buộc phải được gửi đến người bị thu hồi đất phải kiểm kê bắt buộc. Trường hợp người bị thu hồi đất phải kiểm kê bắt buộc cố tình không nhận Quyết định kiểm kê bắt buộc thì Tổ kiểm kê bắt buộc thực hiện niêm yết công khai Quyết định kiểm kê bắt buộc tại trụ sở khối, thôn và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi.

b) Tổ kiểm kê bắt buộc họp thông qua kế hoạch thực hiện, trong đó có phương án đảm bảo an toàn về con người, phương tiện, vật chất khi tham gia tiến hành kiểm kê bắt buộc; phân công chuẩn bị điều kiện về con người, phương tiện, vật chất và kiểm tra công tác đảm bảo trước khi thực hiện.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Tiến hành kiểm kê bắt buộc:

- Tổ kiểm kê bắt buộc đến địa điểm nơi có đất, nhà và tài sản phải kiểm kê bắt buộc để đọc quyết định kiểm kê bắt buộc và tiến hành kiểm kê bắt buộc theo kế hoạch đã phân công.

- Khi tiến hành kiểm kê bắt buộc nếu không có mặt người bị thu hồi đất thì việc kiểm kê bắt buộc vẫn tiến hành bình thường.

- Trong quá trình tiến hành, nếu người bị thu hồi đất cố tình gây cản trở việc thực hiện kiểm kê bắt buộc thì lực lượng được phân công bảo vệ có trách nhiệm thực hiện các biện pháp cách ly, bảo vệ cho lực lượng trực tiếp kiểm kê bắt buộc tiếp tục hoàn thành công việc.

- Quá trình tiến hành kiểm kê bắt buộc phải ghi chép đầy đủ, rõ ràng các số liệu cần thiết cho việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư vào biên bản kiểm kê bắt buộc và tất cả thành viên trong Tổ thông qua, ký tên sau khi kết thúc công việc.

b) Nội dung kiểm kê bắt buộc bao gồm hiện trạng và diện tích đất bị thu hồi; kích thước bên ngoài nhà, vật kiến trúc; số lượng mồ mã; số lượng và các thông số kỹ thuật liên quan về cây cối hoa màu và tài sản khác gắn liền với đất bị thu hồi. Không kiểm kê chi tiết bên trong nhà và trong lòng đất.

3. Trường hợp sau khi nhận được quyết định kiểm kê bắt buộc, nhận được thông báo kiểm kê bắt buộc hoặc khi Tổ kiểm kê bắt buộc đến địa điểm kiểm kê mà người bị thu hồi đất nhận hợp tác với Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì Tổ kiểm kê bắt buộc lập biên bản xác nhận để Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tiến hành kiểm kê bình thường hoặc yêu cầu xác nhận biên bản kiểm kê do Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã lập đúng quy định trước đó mà người bị thu hồi đất chưa ký.

Điều 9. Sử dụng số liệu kiểm kê bắt buộc.

Các số liệu ghi tại biên bản kiểm kê bắt buộc được sử dụng để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 10. Kinh phí thực hiện.

Kinh phí thực hiện việc kiểm kê bắt buộc được tính vào kinh phí đảm bảo cho công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

Điều 11. Điều khoản thi hành.

1. Những nội dung không nêu tại Quy định này thực hiện theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Việc giải quyết khiếu nại liên quan đến việc kiểm kê bắt buộc thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức, cá nhân có đất bị thu hồi phản ánh kịp thời cho Sở Tài nguyên và Môi trường để hướng dẫn giải quyết hoặc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh bổ sung./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vy Văn Thành

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Số: 21/2010/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lạng Sơn, ngày 29 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý nhà nước về
khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 09/6/2000 và Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 51/TTr-SKHCHN ngày 24 tháng 12 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 647/QĐ-UB-KT ngày 23 tháng 4 năm 2004 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định thủ tục đăng ký, tuyển chọn, xét duyệt và tổ chức triển khai các đề tài, dự án khoa học và công nghệ tại Lạng Sơn.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Vy Văn Thành
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2010/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. *Phạm vi điều chỉnh*: Quy định này quy định quản lý nhà nước về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước, được triển khai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. *Đối tượng áp dụng*: Các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện và quản lý các Nhiệm vụ khoa học và công nghệ triển khai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ*: Là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết và tổ chức thực hiện dưới hình thức: đề tài nghiên cứu khoa học, dự án khoa học và công nghệ, chương trình khoa học và công nghệ và một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác.

2. *Chương trình khoa học và công nghệ*: Bao gồm nhóm các đề tài nghiên cứu khoa học, dự án khoa học và công nghệ được tập hợp theo một mục đích xác định, nhằm thực hiện mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ cụ thể hoặc ứng dụng vào thực tiễn.

3. *Đề tài nghiên cứu khoa học*: Là một nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm phát hiện quy luật, mô tả, giải thích nguyên nhân vận động của sự vật, hiện tượng hoặc sáng tạo nguyên lý, những giải pháp, bí quyết, sáng chế được thể hiện dưới các hình thức: Đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp cả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm. Đề tài có thể độc lập hoặc thuộc dự án, chương trình khoa học và công nghệ.

4. *Dự án khoa học và công nghệ* : Là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung chủ yếu tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, áp dụng, thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội.

5. *Dự án sản xuất thử nghiệm*: Là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế-xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

6. *Dự án ứng dụng khoa học và công nghệ*: Là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung chủ yếu là ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm đã được thẩm định, đánh giá, nghiệm thu bởi các cơ quan có thẩm quyền để xây dựng các mô hình ứng dụng, điểm trình diễn, điểm thử nghiệm.

7. *Một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác*: Là những vấn đề khoa học và công nghệ mang tính tổng kết thực tiễn; được thể hiện bằng các chuyên đề khoa học nhằm giải quyết kịp thời những nhiệm vụ cấp bách, phục vụ công tác quản lý của ngành, địa phương, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 3. Yêu cầu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

1. Yêu cầu thực tiễn

a) Trực tiếp hoặc gián tiếp góp phần giải quyết có hiệu quả những vấn đề cần thiết về kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng các luận cứ khoa học, đề xuất các chính sách, mô hình, giải pháp trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh.

c) Tạo chuyên biến về năng suất, chất lượng, có hiệu quả kinh tế - xã hội và tác động đến sự phát triển của từng lĩnh vực kinh tế - xã hội.

d) Tạo tiền đề cho việc hình thành ngành nghề mới, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội theo hướng hiện đại, hiệu quả và phát triển bền vững.

2. Yêu cầu khoa học và công nghệ

a) Giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ mới ở mức đạt hoặc tiếp cận trình độ tiên tiến hơn so với địa phương hoặc trong nước; có khả năng thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài; có tác động nâng cao trình độ công nghệ của ngành, lĩnh vực sản xuất khi được áp dụng rộng rãi. Tạo ra bộ giống cây, giống con mới để đưa vào sản xuất.

b) Góp phần nâng cao năng lực hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh.

c) Trong lĩnh vực xã hội nhân văn giải quyết các vấn đề mang tính lý luận cho phù hợp với tình hình thực tiễn, tạo ra luận cứ khoa học để giải quyết những vấn đề xã hội mới phát sinh bảo đảm lý luận giải quyết được những vấn đề thực tiễn đặt ra phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Tính khả thi và hiệu quả kinh tế xã hội

a) Có khả năng huy động sự tham gia của các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, các nhà khoa học trong tỉnh, trong nước hoặc từ nước ngoài.

b) Có địa chỉ sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ.

c) Đối với dự án: Công nghệ được sử dụng đảm bảo tính hợp pháp và có xuất xứ từ một trong các nguồn sau: Kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được Hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị áp dụng; sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ; kết quả khoa học và công nghệ từ nước ngoài đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận; có thị trường tiêu thụ sản phẩm; có khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án. Sản phẩm của dự án góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và bảo vệ môi trường, sinh thái.

Điều 4. Điều kiện tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các tổ chức có tư cách pháp nhân có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực của Nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn phải có trình độ đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ, có năng lực thực hiện, bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cá nhân không được tham gia tuyển chọn chủ trì khi: Chưa hoàn thành đúng hạn việc quyết toán, nghiệm thu (kể cả trường hợp đã có biên bản đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh nhưng ở mức "không đạt"), thanh lý Hợp đồng hoặc chưa hoàn trả lại kinh phí thu hồi của các Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã thực hiện trước đó. Trong cùng một thời gian, mỗi cá nhân chỉ được chủ trì 01 Nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 5. Hội đồng khoa học và công nghệ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập:

a) Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh, do đồng chí Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ tịch Hội đồng, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ làm Phó chủ tịch thường trực và một số thành viên khác thuộc các sở, ban, ngành của tỉnh. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh thực hiện theo quy chế do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Hội đồng xác định nhiệm vụ khoa học công nghệ: đề tư vấn trong việc xác định Nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Nhiệm vụ của Hội đồng là phân tích, đánh giá, kiến nghị về mục tiêu, yêu cầu và kết quả dự kiến của chương trình, đề tài, dự án, kinh phí dự kiến và phương thức thực hiện. Thành phần và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Điều 22, 25 của Nghị định số 81/2002/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Hội đồng tuyển chọn, xét chọn tổ chức cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề tư vấn về việc tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Thành phần và nguyên tắc hoạt động của các Hội đồng thực hiện theo quy định tại Điều 23, 25 của Nghị định số 81/2002/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

d) Hội đồng đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ. Thành phần và nguyên tắc hoạt động của các Hội đồng thực hiện theo quy định tại Điều 24, 25 của Nghị định số 81/2002/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Nhiệm vụ của Hội đồng: đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước khi kết thúc nhiệm vụ. Hội đồng tiến hành đánh giá nghiệm thu theo mục đích, yêu cầu, nội dung, kết quả, tiến độ ghi trong hợp đồng đã được ký kết và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền trong việc đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Chương II

PHÊ DUYỆT DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 6. Căn cứ xác định Nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xác định căn cứ vào:

1. Mục tiêu, chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ của tỉnh và các văn bản chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất, cấp bách cần được giải quyết kịp thời do cấp có thẩm quyền giao.

3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các tổ chức, cá nhân đăng ký, đề xuất.

4. Các chương trình hợp tác trong nước và quốc tế.

Điều 7. Phê duyệt danh mục Nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ (Thường trực Hội đồng khoa học công nghệ tỉnh) tổng hợp và sơ tuyển các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đăng ký và xin ý kiến Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh để lựa chọn, xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ; căn cứ danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được xác định, Hội đồng xác định nhiệm vụ khoa học công nghệ tư vấn xác định chính xác tên, mục tiêu, sản phẩm, kinh phí dự kiến và phương thức thực hiện của từng nhiệm vụ.

Căn cứ kết quả làm việc của Hội đồng xác định nhiệm vụ khoa học công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 8. Phương thức thực hiện Nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo 2 phương thức: tổ chức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.

1. Tuyển chọn: Áp dụng đối với Nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhiều tổ chức, cá nhân đủ năng lực thực hiện.

2. Giao trực tiếp (xét chọn): Áp dụng đối với Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc bí mật quốc gia, đặc thù của an ninh quốc phòng, một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bách và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà nội dung chỉ có một tổ chức khoa học và công nghệ hoặc cá nhân có đủ điều kiện về chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đó. Phương thức tổ chức được thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Nghị định số 81/2002/NĐ-CP của Chính phủ

Chương III

XÉT DUYỆT THUYẾT MINH VÀ HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 9. Xét duyệt thuyết minh các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

1. Đối với nhiệm vụ giao trực tiếp (xét chọn):

a) Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ xây dựng hồ sơ đăng ký thực hiện, bao gồm thuyết minh và dự toán kinh phí

b) Hội đồng xét chọn tổ chức cá nhân thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ dự tuyển và xem xét tổ chức, cá nhân trình bày bản thuyết minh theo các tiêu chí về giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của nhiệm vụ, bao gồm: nội dung nghiên cứu, phương pháp triển khai, tính khả thi và kết quả dự kiến, khả năng áp dụng; năng lực của tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ tuyển chọn:

a) Sở Khoa học và Công nghệ thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần tuyển chọn để các tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn.

b) Sau 30 ngày kể từ khi thông báo, cơ quan thường trực Hội đồng khoa học và Công nghệ tỉnh tiến hành mở hồ sơ đăng ký của các tổ chức, cá nhân. Kết quả tuyển chọn của cơ quan thường trực Hội đồng được thông báo đến các đơn vị tham gia tuyển chọn, đơn vị trúng tuyển có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ và nộp lại Sở Khoa học và công nghệ.

Điều 10. Ký Hợp đồng và thanh lý Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Căn cứ kết quả của Hội đồng tuyển chọn, xét chọn tổ chức cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và tổ thẩm định kinh phí. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký kết Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Thanh lý Hợp đồng: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ biên bản Hội đồng đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và tổ xét duyệt quyết toán, phối hợp các cơ quan liên quan cùng với tổ chức chủ trì tiến hành thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học theo quy định của pháp luật.

Chương IV

QUẢN LÝ VIỆC THỰC HIỆN

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 11. Kiểm tra việc thực hiện Nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá việc thực hiện Nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nội dung khoa học, tiến độ thực hiện, tình hình sử dụng kinh phí. Kết quả kiểm tra được thể hiện bằng biên bản.

2. Cơ quan chủ trì, chủ nhiệm Nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện các nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Tình hình sử dụng kinh phí; Kế hoạch hoặc phương án triển khai giai đoạn tiếp; Kiến nghị (nếu có).

Điều 12. Điều chỉnh mục tiêu, nội dung thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đối với những nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục:

a) Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có sự phát sinh làm thay đổi mục tiêu thực hiện Nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo UBND tỉnh xem xét giải quyết.

b) Đối với các nhiệm vụ Khoa học và công nghệ nếu có sự phát sinh, điều chỉnh nội dung nhưng không ảnh hưởng lớn đến mục tiêu thì Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét giải quyết.

Điều 13. Nghiệm thu kết quả thực hiện Nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nghiệm thu cấp cơ sở

Khi hết thời gian thực hiện, tổ chức chủ trì Nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ để tổ chức nghiệm thu cấp cơ sở, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu cấp cơ sở, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thiện hồ sơ nộp cho Sở Khoa học và Công nghệ .

Hồ sơ nghiệm thu (10 bộ), gồm các tài liệu sau:

- Báo cáo tóm tắt; Báo cáo chính; 01 bộ đĩa CD sao chép kết quả nghiên cứu.
- Các tài liệu có liên quan tùy theo yêu cầu nội dung của từng nhiệm vụ Khoa học công nghệ;
- Biên bản nghiệm thu cơ sở;

2. Nghiệm thu cấp tỉnh:

Hội đồng đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhiệm vụ, đánh giá mức độ hoàn thành và chất lượng sản phẩm so với Quyết định phê duyệt về: mục tiêu; đối tượng, phạm vi; nội dung; phương pháp; sản phẩm đạt được; hiệu quả kinh tế- xã hội; khả năng ứng dụng - nhân rộng; tình hình sử dụng kinh phí; quá trình tổ chức thực hiện của cơ quan chủ trì, chủ nhiệm Nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

c) Kết quả thực hiện các Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá, nhận xét, chấm điểm theo các mức: Đạt xuất sắc, đạt khá, đạt trung bình và không đạt (tiêu chí tại Phụ lục 3) và được thể hiện bằng biên bản.

3. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ở mức “ không đạt” và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có khả năng hoàn thành được xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 14. Công nhận, đăng ký kết quả thực hiện Nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Hội đồng nghiệm thu đánh giá đạt trung bình trở lên; tổ chức, cá nhân chủ trì Nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của Hội đồng nghiệm thu và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ trong thời gian 15 ngày.

2. Trên cơ sở kết quả đánh giá nghiệm thu của Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ hoàn chỉnh hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt nghiệm thu kết quả và công bố, sử dụng, chuyển giao kết quả đó. Những kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ do Nhà nước đầu tư phục vụ công ích phải được công bố công khai rộng rãi để tổ chức, cá nhân ứng dụng vào sản xuất và đời sống.

3. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bản quyền tác giả (nếu có) theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, Luật chuyển giao công nghệ.

Điều 15. Triển khai ứng dụng, nhân rộng kết quả thực hiện Nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Sau khi Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm Nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan xây dựng kế hoạch và triển khai ứng dụng, nhân rộng kết quả vào thực tiễn.

2. Đối với các đơn vị không thực hiện hoặc không có khả năng ứng dụng, nhân rộng vào thực tiễn, Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất hướng giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Chương V

KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ SẢN PHẨM THU HỒI NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 16. Kinh phí thực hiện Nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Sau khi thuyết minh được chỉnh sửa, bổ sung theo kết luận của Hội đồng tuyển chọn, xét chọn tổ chức cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tổ chức thẩm định dự toán kinh phí theo quy định hiện hành.

2. Kinh phí thực hiện các Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được sử dụng từ kinh phí sự nghiệp khoa học. Kinh phí cấp đợt 1 không quá 70% kinh phí thực hiện trong năm kế hoạch, cấp sau khi ký hợp đồng; số kinh phí còn lại của năm đầu và các năm tiếp theo sẽ cấp theo tiến độ thực hiện của đề tài trên cơ sở đã thanh toán số kinh phí đã cấp kỳ trước.

Điều 17. Thanh toán kinh phí thực hiện Nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Kinh phí chi thực hiện Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thanh toán theo Hợp đồng đã ký giữa Sở Khoa học và Công nghệ với tổ chức, cá nhân chủ trì.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu với kết quả xếp loại trung bình trở lên thì được thanh toán kinh phí theo khối lượng, sản phẩm và dự toán

đã được phê duyệt. Trường hợp không đạt yêu cầu thì Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, xử lý theo quy định.

Điều 18. Sản phẩm thu hồi

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu có phần sản phẩm phải thu hồi, Chủ nhiệm Nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan chủ trì thực hiện có trách nhiệm nộp thu hồi theo quy định.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, đơn vị tổ chức phổ biến, triển khai và thực hiện Quy định này.

Điều 20. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Vy Văn Thành

PHỤ LỤC I**Tiêu chí đánh giá tuyển chọn, xét chọn tổ chức cá nhân chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ**

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
I	<i>Giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của nội dung nghiên cứu, phương pháp triển khai và kết quả đề tài</i>	80
1	<i>Mục tiêu nghiên cứu của đề tài</i> (Phát triển và cụ thể hoá định hướng mục tiêu của đề tài)	5
2	<i>Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài</i>	15
	- Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ và rõ ràng mức độ thành công/hạn chế các công trình nghiên cứu ở trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề tài.	5
	- Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn mới của đề tài.	10
3	<i>Xác định nội dung và phương án tổ chức thực hiện đề tài</i>	40
	- Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu để đạt được mục tiêu đề ra.	15
	- Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề tài (điều tra/khảo sát thực tế trong nước và ngoài nước; hội thảo khoa học; thu thập và xử lý tài liệu, số liệu...) và kế hoạch thực hiện đề tài.	5
	- Tính hợp lý, khả thi của phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tham gia thực hiện đề tài.	5
	- Luận giải về việc phân bổ và sử dụng hợp lý kinh phí cho các nội dung nghiên cứu và các hoạt động của đề tài, cho sản phẩm của đề tài.	5
	- Tính hợp lý trong bố trí kế hoạch: nội dung, các mốc thời gian phải đạt; khả năng hoàn thành; việc huy động các nguồn lực	5
	- Các phương pháp nghiên cứu cụ thể, rõ ràng, phù hợp với đối tượng, nội dung nghiên cứu của đề tài.	5